

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/HNGĐ-ST

Ngày 19-01-2022

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bình

2. Bà Võ Thị Ngọc Mai

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Văn Liên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 318/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2021 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 182/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12/01/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Mai C, sinh năm 1985; Thường trú: Số nhà M, đường B, thôn M, xã N, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận; Địa chỉ liên hệ: Số B, đường C, tổ T, thôn C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân H, sinh năm 1977; Thường trú: Số nhà M, đường B, thôn M, xã N, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Chị C có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, anh H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 20/9/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mai C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị C và anh Nguyễn Xuân H có thời gian tìm hiểu khoảng 06 tháng thì tổ chức đám cưới, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ (nay là Ủy ban nhân dân xã N), huyện Đ, tỉnh Bình Thuận (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 45/05, quyển số 01 ngày 13/10/2005).

Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại nhà cha mẹ anh H, địa chỉ thôn B, xã Đ (nay là thôn M, xã N), huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Vợ chồng chung sống hạnh

phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H có tính ích kỷ, hay chửi bới, xúc phạm chị C. Trong cuộc sống hàng ngày, anh H xem thường chị C, coi chị C như người giúp việc trong nhà. Việc mâu thuẫn diễn ra trong thời gian dài, khiến chị C cảm thấy mệt mỏi và không còn tình cảm vợ chồng với anh H nữa. Vào tháng 4/2020, chị C nộp đơn ly hôn tại Tòa án, tuy nhiên anh H hứa thay đổi nên chị đã rút đơn. Sau khi rút đơn, anh H không thay đổi mà còn cộc cằn hơn. Ngày 04/9/2021, bạn của chị C gọi điện thoại cho chị nhưng chị không nghe máy, anh H thấy có người gọi mà chị C không nghe nên la mắng chị, nghi ngờ chị có người đàn ông khác. Chị C giải thích và gọi lại cho người bạn để anh H nói chuyện nhưng anh H không nói mà đánh chị gây thương tích, tuy nhiên chị không báo chính quyền. Sau đó, anh H đưa gia đình lên rẫy tại xã Đ sinh sống, nhưng tình hình vợ chồng vẫn không tốt hơn, anh H vẫn chửi bới chị. Vì không chịu nổi nên chị C đã về nhà mẹ ruột sinh sống từ ngày 14/9/2021, vợ chồng ly thân từ đó đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Các con ở với anh H. Thời gian đó, anh H có qua nhà nói chuyện nhưng chị C không gặp gỡ, không nói chuyện. Nay chị C nhận thấy không còn tình cảm với anh H, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã thật sự trầm trọng do đó chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Nguyễn Xuân L, sinh ngày 03/4/2006; Nguyễn Thị Mai L, sinh ngày 03/8/2010; Nguyễn Xuân Th, sinh ngày 02/11/2011. Tại đơn khởi kiện, chị C yêu cầu được nuôi con Nguyễn Thị Mai L và đồng ý giao con Nguyễn Xuân L và Nguyễn Xuân Th cho anh Nguyễn Xuân H nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, ngày 14/10/2021, chị C đã rút yêu cầu tranh chấp về nuôi con.

Về tài sản chung, quyền và nghĩa vụ chung về tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 14/10/2021 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Xuân H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Mai C có thời gian tìm hiểu khoảng 06 tháng thì tổ chức đám cưới, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ (nay là UBND xã N), huyện Đ, tỉnh Bình Thuận (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 45/05, quyền số 01 ngày 13/10/2005).

Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại nhà cha mẹ ruột của anh H, địa chỉ thôn B, xã Đ (nay là thôn M, xã N), huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng 02 năm gần đây thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do kinh tế gia đình chủ yếu từ làm nông, anh H là lao động chính trong gia đình nên bận công việc không có thời gian cho vợ con. Ngoài ra, thời gian khoảng tháng 8/2021, chị C có liên lạc với 01 người đàn ông, anh H có hỏi thì chị C giấu giếm, vì nóng giận nên anh H có đánh chị C trúng vào mắt chị C làm chảy máu. Anh H cũng có nghe người khác nói lại là thấy chị C đi với người đàn ông khác. Việc này nhiều người nói ra nói vào làm ảnh hưởng đến tình cảm của vợ chồng anh chị, làm anh mất đi niềm tin với chị C. Sau đó, vợ chồng lên rẫy tại xã Đ sinh sống, nhưng do không hiểu nhau trong cách sinh hoạt và tính cách nhau, chị C bỏ về nhà mẹ ruột sinh sống từ giữa tháng 9/2021 cho đến nay. Vợ chồng ly thân từ đó, các con ở với anh H. Anh H có đến nhà cha mẹ chị C để gặp mong chị C quay về nhưng

không gặp được. Nay, anh H xác định vẫn còn tình cảm vợ chồng với chị C nên không đồng ý ly hôn. Nếu chị C vẫn cương quyết ly hôn thì anh H đồng ý giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Nguyễn Xuân L, sinh ngày 03/4/2006; Nguyễn Thị Mai L, sinh ngày 03/8/2010; Nguyễn Xuân Th, sinh ngày 02/11/2011. Trường hợp nếu chị C cương quyết ly hôn thì anh có nguyện vọng nuôi 03 con và không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con. Tại buổi làm việc về giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên anh H cũng không có ý kiến gì.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 06/12/2021, Tòa án xác minh tình trạng hôn nhân, mâu thuẫn vợ chồng trong quá trình chung sống giữa chị Nguyễn Thị Mai C và anh Nguyễn Xuân H tại địa phương và được cung cấp: Chị C và anh H là vợ chồng, sau khi cưới có sinh sống tại địa chỉ thôn M, xã N, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Quá trình sinh sống tại địa phương, không nghe thông tin mâu thuẫn gì của vợ chồng chị C, anh H. Khoảng tháng 9/2021, không thấy chị C ở địa phương, anh H vẫn sinh sống tại đây.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã được thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự, đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt.

+ Về nội dung vụ án: Thấy rằng năm 2005, chị C, anh H kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ (nay là xã N). Năm 2020, chị C đã từng nộp đơn ly hôn tại Tòa án nhưng rút đơn khởi kiện để cho anh H 01 cơ hội đoàn tụ. Nay, chị C tiếp tục nộp đơn yêu cầu được ly hôn và vợ chồng đã ly thân 01 thời gian, hiện nay chị C đã về nhà mẹ ruột sinh sống, không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Nhận thấy, cuộc sống vợ chồng của chị C và anh H không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nay chị C yêu cầu ly hôn cần chấp nhận; Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Nguyễn Xuân L, sinh ngày 03/4/2006; Nguyễn Thị Mai L, sinh ngày 03/8/2010; Nguyễn Xuân Th, sinh ngày 02/11/2011. Tại đơn khởi kiện chị C có tranh chấp về nuôi con, tuy nhiên, ngày 14/10/2021, chị C đã có đơn xin rút yêu cầu tranh chấp này, vì vậy, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật; Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên

tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mai C và anh Nguyễn Xuân H có thời gian tìm hiểu nhau khoảng 06 tháng thì tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn vào năm 2005 tại Ủy ban nhân dân xã Đ (nay là xã N), huyện Đ, tỉnh Bình Thuận và đã được cấp giấy Chứng nhận kết hôn số 45/05, quyển số 01 ngày 13/10/2005, nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

[2] Mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc; để đạt được mục đích đó vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Căn cứ vào lời khai của chị C và anh H, vào khoảng tháng 8, tháng 9/2021, anh H đã từng ghen tuông và nghi ngờ chị C có người đàn ông khác bên ngoài, vì lý do đó, anh H từng đánh chị C. Bản thân anh H trình bày do nghe người xung quanh nói lại là thấy chị C đi với người đàn ông khác, vì chuyện này mà anh H không còn tin tưởng chị C. Sau đó, vợ chồng chuyển về xã Đ sinh sống, tuy nhiên tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện được. Đến giữa tháng 9/2021, chị C về nhà mẹ ruột sinh sống cho đến nay, vợ chồng từ đó không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Anh H trình bày còn yêu thương vợ nên có đến nhà mẹ ruột chị C để nói chuyện, mục đích để chị C quay về nhưng chị C không đồng ý, đủ để nhận thấy chị C không còn mong muốn quay lại cuộc sống vợ chồng cùng anh H. Từ đó có cơ sở khẳng định tình cảm vợ chồng giữa chị C và anh H đã thật sự rạn nứt, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị C đối với anh H là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 03 con chung tên Nguyễn Xuân L, sinh ngày 03/4/2006; Nguyễn Thị Mai L, sinh ngày 03/8/2010; Nguyễn Xuân Th, sinh ngày 02/11/2011. Tại đơn khởi kiện, chị C yêu cầu được nuôi con Nguyễn Thị Mai L và đồng ý giao con Nguyễn Xuân L và Nguyễn Xuân Th cho anh Nguyễn Xuân H nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, ngày 14/10/2021, chị C có đơn rút yêu cầu tranh chấp về nuôi con. Do đó, Tòa án đình chỉ đối với yêu cầu này là đúng quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đang sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện về tranh chấp ly hôn và đình chỉ đối với yêu cầu tranh chấp về nuôi con của chị Nguyễn Thị Mai C đối với anh Nguyễn Xuân H. Chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Mai C phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 4 Điều 147, Điều 217, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 8, 9, Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mai C đối với anh Nguyễn Xuân H về việc ly hôn.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mai C được ly hôn với anh Nguyễn Xuân H.

1.2. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mai C đối với anh Nguyễn Xuân H về tranh chấp nuôi con.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Mai C phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005559 ngày 07/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận. Chị Nguyễn Thị Mai C đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Đức Linh;
- Chi cục THADS huyện Đức Linh;
- UBND xã N, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phan Thị Mỹ Dung